

Số: 200/2018/QĐST-HNGĐ

Phú Lộc, ngày 09 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 181/2018/TLST ngày 10/9/2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu:

+ Anh Lê C, sinh năm 1973.

+ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1977.

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê C và chị Nguyễn Thị T.

- Về nuôi con chung: Anh Lê C và chị Nguyễn Thị T thống nhất thỏa thuận: Giao cả hai người con chung là Lê Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 08/4/2006 và Lê Nguyễn Thanh T, sinh ngày 18/11/2001 cho chị Nguyễn Thị T chăm sóc nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Anh Lê C có nghĩa vụ cấp dưỡng 02 người con chung là Lê Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 08/4/2006 và Lê Nguyễn Thanh T, sinh ngày 18/11/2001 mỗi tháng 2.000.000đ/ 02 cháu (1.000.000đ/ 1 cháu) kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật và người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê C và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

- Về lệ phí:

Anh Lê C chịu 150.000đ lệ phí giải quyết việc dân sự được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 150.000đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2013/006375 ngày 10/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; Anh C đã nộp đủ.

Chị Nguyễn Thị T chịu 150.000đ lệ phí giải quyết việc dân sự được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 150.000đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2013/006376 ngày 10/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; Chị T đã nộp đủ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Ủy ban nhân dân xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Ngọc Tú

